

Số: 2157 /QĐ-UBND

Phù Cù, ngày 07 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Đa,
huyện Phù Cù đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Văn bản hợp nhất Nghị định 37, Nghị định 44 và Nghị định 72 số 06,07/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân cấp quản lý và phân công nhiệm vụ về lĩnh vực quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Công văn số 959/SXD-QH ngày 13/7/2023 của Sở Xây dựng về việc tham gia ý kiến về đồ án quy hoạch chung xây dựng các xã trên địa bàn huyện Phù Cù;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND huyện Phù Cù: số 92/NQ-HĐND ngày 26/11/2021 việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn các xã trên địa bàn huyện Phù Cù; 126/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn các xã trên địa bàn huyện Phù Cù;

Căn cứ Quyết định số 2867/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phù Cù về việc Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Đa, huyện Phù Cù đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 36/TTr-KT&HT ngày 06/9/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Đa, huyện Phù Cù đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Đa, huyện Phù Cù đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000.

2. Đơn vị tổ chức lập quy hoạch: UBND xã Tam Đa.

3. Mục tiêu Đồ án

Cụ thể hóa Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới của Chính phủ và tỉnh Hưng Yên; quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Cù đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

Để phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cập nhật các dự án để khớp nối với các quy hoạch có liên quan, đảm bảo kết nối không gian, hạ tầng phù hợp và hiệu quả đối với các khu vực lân cận.

Khai thác triệt để tiềm năng lợi thế của khu vực, sử dụng hiệu quả đất đai và hệ thống cơ sở hạ tầng đã có; xác định các chỉ tiêu đất đai, quy mô dân số khu vực phát triển nông thôn và hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và các công trình đầu mối.

Làm cơ sở để triển khai lập các dự án đầu tư xây dựng; hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục công trình thuộc dự án; xây dựng và quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

4. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

a) Phạm vi lập quy hoạch chung xã Tam Đa đến năm 2035 được thực hiện trong địa giới hành chính của xã Tam Đa, huyện Phù Cù được. Ranh giới cụ thể như sau:

Phía Đông giáp tỉnh Hải Dương và xã Nguyên Hòa;

Phía Tây giáp xã Minh Tiến;

Phía Nam giáp xã Tống Trân và Minh Tiến;

Phía Bắc giáp xã Tiên Tiến và xã Nhật Quang.

b) Quy mô diện tích lập quy hoạch: Toàn bộ diện tích tự nhiên xã Tam Đa với quy mô khoảng: 556,82 ha.

5. Tính chất và chức năng của xã

Xã Tam Đa thuộc vùng tiềm năng phát triển nông nghiệp, dịch vụ phía Nam huyện Phù Cù, được phát triển trên cơ sở lợi thế của ĐT.386. Có điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng và lợi thế phát triển các dịch vụ du lịch và nông nghiệp. Ngoài ra với lợi thế tiếp giáp với tỉnh Hải Dương khu vực có tiềm năng phát triển hạ tầng kết nối giao thông, thương mại. Dự kiến trong tương lai khu vực sẽ trở thành vùng nông nghiệp sạch và dịch vụ, du lịch sinh thái khu vực phía Nam.

6. Các chỉ tiêu phát triển xã

a) Quy mô dân số: Hiện trạng: 5.798 người; đến năm 2035: khoảng 9.654 người.

b) Quy mô đất đai chủ yếu

Đơn vị: ha

STT	Mục đích sử dụng	Hiện trạng	Giai đoạn 2023-2025	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035
	Tổng diện tích	556.82	556.82	556.82	556.82
1	Nhóm đất nông nghiệp	391,33	363,30	332,77	303,34
2	Đất xây dựng	154,60	182,76	213,59	243,02
3	Đất khác	10,89	10,76	10,46	10,46

7. Quy hoạch sử dụng đất

Cơ cấu sử dụng đất trong ranh giới lập Quy hoạch chung xã Tam Đa đến năm 2035 như sau:

STT	Mục đích sử dụng	Hiện trạng	Giai đoạn 2023-2025	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2031-2035
	Tổng diện tích	556,82	556,82	556,82	556,82
1	Nhóm đất nông nghiệp	391,33	363,30	332,77	303,34
1.1	Đất trồng lúa	37,08	29,62	13,65	0,00
1.2	Đất trồng trọt khác	307,75	284,46	260,81	246,57
1,3	Đất nuôi trồng thủy sản	46,50	44,11	42,90	41,36
1,4	Đất nông nghiệp khác	0,00	5,11	15,41	15,41
2	Đất xây dựng	154,60	182,76	213,59	243,02
2.1	Đất ở	52,51	56,91	63,53	71,46
2.2	Đất công cộng	10,20	9,71	11,41	12,64
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,00	1,35	2,50	3,88
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0,72	0,72	0,72	0,72
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	3,38	5,68	13,78	13,78
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	0,00	0,00	0,00	0,00
2,6	Đất xây dựng các chức năng khác	0,00	4,86	4,86	13,63
2,7	Đất hạ tầng kỹ thuật	64,06	71,70	82,36	92,48
2.7.1	Đất giao thông	56,68	63,68	73,86	83,36
2.7.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,32	0,44	0,44	0,44
2.7.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	6,83	7,08	7,46	7,96
2.7.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,23	0,50	0,60	0,72
2,8	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	23,73	23,73	23,73	23,73
2,9	Đất quốc phòng, an ninh	0,00	8,10	8,10	8,10
2,10	Đất hỗn hợp	0,00	0,00	2,60	2,60
3	Đất khác	10,89	10,76	10,46	10,46
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	10,47	10,34	10,04	10,04
3.2	Đất chưa sử dụng	0,42	0,42	0,42	0,42

8. Định hướng phát triển không gian và phân khu chức năng

Xác định các khu vực chức năng: Trung tâm xã; đất ở nông thôn mới và cải tạo chỉnh trang điểm dân cư nông thôn hiện trạng, đất di tích lịch sử và các khu chức năng khác... để làm cơ sở triển khai lập quy hoạch chi tiết 1/500 trung tâm xã.

8.1. Quan điểm lựa chọn đất

Khai thác triệt để, sử dụng quỹ đất vào các mục đích cụ thể, không để tình trạng còn đất trống, chưa khai thác. Sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật; lấy giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất đai làm thước đo để bố trí cây trồng, vật nuôi, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các khu công nghiệp, thương mại, du lịch... theo quy hoạch và kế hoạch. Từng bước phân bổ sử dụng quỹ đất phù hợp nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội qua các thời kỳ của xã, phù hợp với định hướng phát triển của huyện và vùng.

Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã nghiên cứu các phương án cơ cấu tổ chức không gian, lựa chọn giải pháp phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và hiện trạng của xã.

Khi tiến hành quy hoạch chung xây dựng xã, cần đánh giá thực trạng quy hoạch sử dụng đất của khu dân cư, khu trung tâm xã, khu xây dựng các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và khu dành cho các mục đích khác (quốc phòng, di tích lịch sử...). Khu vực (theo chức năng) đã sử dụng ổn định, phù hợp với quy hoạch được giữ lại; khu vực đã ổn định cần chỉnh trang, cải tạo. Những khu đất không còn phù hợp phải chuyển đổi mục đích sử dụng.

8.2. Phân khu chức năng và tổ chức không gian

a. Định hướng tổ chức hệ thống khu dân cư mới và cải tạo thôn xóm cũ

* Định hướng quy hoạch cải tạo điểm dân cư nông thôn hiện hữu

- Khi tiến hành cải tạo, chỉnh trang điểm dân cư hiện hữu phải đánh giá thực trạng quy hoạch sử dụng đất của khu dân cư, khu trung tâm xã, khu xây dựng các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và khu dành cho các mục đích khác... Khu vực (theo chức năng) đã sử dụng ổn định, phù hợp với quy hoạch được giữ lại, cần chỉnh trang, cải tạo. Những khu đất không còn phù hợp phải chuyển đổi mục đích sử dụng.

- Đề xuất các giải pháp cải thiện điều kiện sống của nhân dân trong các điểm dân cư cũ như: Tổ chức lại các không gian chức năng, nâng cấp mạng lưới giao thông và các công trình đầu mối kỹ thuật...

- Rà soát lại sự phân bố dân cư theo quy hoạch đã và đang thực hiện.

- Đề xuất quy hoạch mới khu dân cư phù hợp với định hướng phát triển trong tương lai hoặc nhu cầu tái định cư khi có yêu cầu thay đổi mục đích sử dụng đất.

- Chuyển đổi mục đích sử dụng những thửa đất canh tác nhỏ xen lẫn đất thổ cư để có điều kiện hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội và nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

* Định hướng quy hoạch mở rộng, phát triển dân cư mới

Đất để xây dựng mới và mở rộng điểm dân cư nông thôn bao gồm:

+ Quỹ đất xây dựng nhà ở cho những hộ dân tăng thêm do sự gia tăng dân số theo tính toán dự báo của đề án quy hoạch bao gồm: Các hộ dân tăng thêm trong các thôn do gia tăng dân số tự nhiên và các hộ dân từ nơi khác đến xã do gia tăng dân số cơ học.

+ Quỹ đất xây dựng nhà ở tái định cư cho những dự án trên địa bàn xã.

+ Quỹ đất dành cho xây dựng mới và mở rộng điểm dân cư nông thôn cần đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất đồng thời được lựa chọn tại những vị trí thích hợp tuân thủ quy hoạch không gian tổng thể toàn xã.

Quy hoạch đất ở mới tại 09 vị trí và chuyển mục đích sử dụng từ đất vườn ao trong khu dân cư sang đất ở tại 15 vị trí với tổng diện tích là 29,52 ha.

b. Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng, bảo tồn công trình văn hóa lịch sử, xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng cấp xã, các khu vực có tính đặc thù khác

- Đất dành cho tổ chức hệ thống các công trình công cộng cấp xã: Cần đảm bảo đủ các chức năng hành chính - chính trị, y tế, văn hóa - thể thao, giáo dục đảm bảo bán kính phục vụ đến tất cả các điểm dân cư nông thôn (đặc biệt với các điểm trường cần đảm bảo bán kính phục vụ theo tiêu chuẩn). Các công trình công cộng xã được định hướng nghiên cứu là những công trình thấp tầng đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế công trình công cộng nhưng ngôn ngữ kiến trúc cần được lựa chọn phù hợp với cảnh quan tổng thể là một điểm dân cư nông thôn.

- Đất di tích, danh thắng: Hiện tại và trong tương lai, cần phát triển, giữ vững, bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử: đền, đình làng, các công trình lịch sử... để đảm bảo một nền văn hóa truyền thống, giữ gìn đậm đà bản sắc dân tộc. Trong định hướng quy hoạch có thể đề xuất khai thác các công trình di tích, danh thắng để khai thác du lịch đáp ứng yêu cầu hiện tại.

- Đất tôn giáo, tín ngưỡng: Hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân cần được bảo đảm theo các quy định của pháp luật.

- Mở rộng các nghề truyền thống, phát triển thêm các nghề mới, khuyến khích các thành phần kinh tế, mở rộng dịch vụ thương mại từ sản xuất đến tiêu dùng phục vụ đời sống và sản xuất.

c. Định hướng tổ chức hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật toàn xã kết nối các điểm dân cư nông thôn

Hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật toàn xã bao gồm hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất và phục vụ đời sống. Hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật cần được xây dựng đồng bộ đảm bảo khả năng vận hành, kết nối từ trung tâm xã tới các vùng lân cận và ngược lại.

d. Khu sản xuất, dịch vụ

Với đặc điểm địa hình và thổ nhưỡng của xã cho phép xây dựng các khu sản xuất hàng hóa tập trung quy mô thích hợp như cây ăn quả, nông nghiệp chất lượng cao, các mô hình cụ thể như sau:

- Vùng nông nghiệp khác quy hoạch mới với tổng diện tích 15,41 ha.

- Vùng trồng cây lâu năm quy hoạch mới với tổng diện tích 230,32 ha.

Các khu vực còn lại giữ nguyên theo hiện trạng.

* Quy hoạch hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất

+ Giao thông nội đồng: Làm mới các đường nội đồng, các đường trục chính với mặt cắt 6,5 m (lòng đường là 5,5 m, lề đường là 2x0,5 m), đường nhánh nội đồng 3 m.

+ Nâng cấp cải tạo hệ thống kênh mương đồng thời quy hoạch hệ thống các hồ và đập phục vụ cho công tác tưới tiêu nông nghiệp.

* Định hướng ngành sản xuất công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp

Đẩy mạnh phát triển quy hoạch Điểm CN- TTCN hoặc làng nghề. Hỗ trợ phát triển các ngành nghề tiêu thủ công nghiệp, thực hiện cơ chế chính sách ưu đãi, khuyến khích tín dụng. Tăng cường xây dựng cơ bản, giao thông vận tải để xây dựng cơ sở hạ tầng - kỹ thuật, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội.

Quy hoạch đất tiêu thủ công nghiệp tại đồng Chùm, thôn Tam Đa với diện tích 8,1 ha, lấy và đất trồng lúa.

Quy hoạch đất tiêu thủ công nghiệp tại đồng Dọc Đốc, thôn Tam Đa với diện tích 2,3 ha, lấy vào diện tích đất trồng trọt khác.

* Định hướng khu thương mại, dịch vụ - Khu dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho phát triển thương mại, dịch vụ, đa dạng hoá các loại hình dịch vụ, mở rộng giao lưu thông thương hàng hoá, xây dựng mới chợ nhằm đảm bảo cho việc tiêu thụ sản phẩm.

- Tận dụng lợi thế về địa lý, khí hậu cảnh quan thiên nhiên phát triển những sản phẩm du lịch xanh, thân thiện với môi trường và khai thác tối ưu các giá trị tài nguyên tự nhiên, kết hợp với các giá trị văn hóa - lịch sử, khai thác gắn với bảo tồn, chú trọng phát triển theo hướng bền vững. Xây dựng sản phẩm du lịch gắn kết nhiều loại hình sản phẩm du lịch tạo thành sản phẩm du lịch có tính tổng hợp có sức cạnh tranh cao, có thương hiệu.

- Định hướng quy hoạch Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn trên địa bàn xã gồm: sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ sản xuất nông nghiệp, dịch vụ thị trường... đảm bảo theo hướng dẫn tại Văn bản số 580/SXD-QH ngày 30/6/2022 về hướng dẫn đánh giá nội dung các tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn kết hợp thương mại dịch vụ tại đồng Nám, thôn Tam Đa với diện tích 2,6 ha và các khu đất thương mại dịch vụ trên địa bàn xã với tổng diện tích 13,63 ha.

e. Tổ chức không gian đối với trung tâm xã (thực hiện theo dự án riêng)

- Vị trí, quy mô diện tích:

Định hướng đến năm 2035 quy hoạch Khu trung tâm xã Tam Đa nằm tại khu vực trung tâm xã, diện tích khoảng 13,7 ha. Khu trung tâm xã mới có kinh tế khá phát triển, giao thông đi lại thuận lợi, liên hệ thuận tiện với khu trung tâm các xã lân cận. Là trung tâm hành chính, văn hóa với các tiện nghi về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật kết hợp khu ở gắn với dịch vụ thương mại.

9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường

9.1. Giao thông

a. Giao thông đối ngoại

Căn cứ số Văn bản số 1605/SGTVT- KCHT ngày 05/06/2023 của sở giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên về việc quy hoạch mặt cắt ngang các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 12/04/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2050. Các tuyến đường giao thông đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện qua xã Tam Đa được quy hoạch như sau:

* Đường tỉnh lộ, huyện lộ

Các tuyến tỉnh lộ, huyện lộ đảm bảo theo quy hoạch vùng huyện được duyệt và các yếu tố kỹ thuật liên quan.

Cải tạo mở rộng 2 tuyến đường song hành ĐT.386 và ĐH.89 đoạn qua khu vực xã được thiết kế như sau: Đối với ĐT.386 Được thiết kế đường cấp II đồng bằng với mặt cắt ngang rộng 40,0m; Đối với ĐH.89 Được thiết kế đường cấp III đồng bằng với mặt cắt ngang rộng 21,0m (Bao gồm cả hành lang an toàn đường bộ).

Cải tạo tuyến ĐT.378 đảm bảo theo quy hoạch vùng huyện được duyệt và các yếu tố kỹ thuật liên quan. Được thiết kế gồm 2 phần đường:

*) Phần trên đê: Với bề rộng mặt đường là 7,0m. Hành lang bảo vệ đê đảm bảo theo tiêu chuẩn được tính từ chân taluy;

*) Phần dưới đê: Được thiết kế với mặt cắt ngang rộng 21,0m (Bao gồm

Quy hoạch mới tuyến đường huyện kết nối từ ĐH.85 tới tuyến đường huyện quy hoạch mới kết nối xã Tiên Tiến được thiết kế đường cấp III đồng bằng với mặt cắt ngang rộng 34,0m (Bao gồm cả hành lang an toàn đường bộ).

Đường huyện ĐH.64 (tuyến đường đê): Được thiết kế đường cấp III đồng bằng với mặt cắt ngang rộng 32,0m (Bao gồm cả hành lang an toàn đường bộ).

* Đường trục xã - liên xã: Được thiết kế với mặt cắt ngang rộng 20,0m – 25m (Bao gồm cả hành lang an toàn đường bộ).

Tuyến đường quy hoạch mới kết nối ĐT.386 và ĐH.64 đi qua Công ty may và khu trung tâm xã được thiết kế đường cấp III đồng bằng với mặt cắt ngang rộng 25,0m.

+ Cải tạo mở rộng các tuyến đường xã ĐX.1TĐ, ĐX.2TĐ, ĐX.3TĐ, ĐX.4TĐ và các tuyến đường hiện trạng.

b. Giao thông đối nội

* Đường trục thôn - liên thôn là đường trục chính kết nối các thôn với nhau, nối trung tâm các thôn, xóm, các điểm dân cư phục vụ cho nhân dân ở thôn, xóm và các thôn lân cận đi lại thường xuyên.

Được thiết kế với mặt cắt ngang rộng 9,5-13,5m.

* Đường thôn, xóm: Được thiết kế với mặt cắt ngang rộng 7,0-9,0m. Các đường hiện trạng bề rộng <4m cần nâng cấp cải tạo đảm bảo yếu tố PCCC khi cần thiết.

(Chi tiết các tuyến đường xem bản vẽ QH05)

* Giao thông tỉnh

Quy hoạch 3 vị trí bãi đỗ xe trên địa bàn xã với diện tích từ 1,16 - 1,38 ha.

9.2. Thủy lợi: Nâng cấp và kiên cố hóa kênh, mương, trạm bơm và các hồ, đập hiện có đảm bảo chủ động tưới tiêu cho diện tích đất sản xuất nông

nghiệp; đảm bảo hệ thống thủy lợi được liên hoàn; cải tạo và nâng cấp hệ thống thoát nước trong khu dân cư nông thôn, đảm bảo các cống, rãnh không bị tắc, nghẽn; phát triển các công trình cấp nước tiên tiến phục vụ và phát triển các cây hoa màu, cây ăn quả,... ở các vùng sản xuất chuyên canh tập trung.

9.3. Quy hoạch định hướng chuẩn bị kỹ thuật

* San nền

- Giải pháp thiết kế:

+ Khu vực khu dân cư làng xóm cũ nằm trong khu vực quy hoạch về cơ bản cao độ nền đã đảm bảo, chỉ san gạt cục bộ cho phù hợp với cao độ nền các khu xây dựng mới.

+ Các ô đất nhỏ nằm sát khu vực làng xóm hiện có sẽ được thiết kế san nền trong giai đoạn quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trên cơ sở cao độ khống chế tim đường và cao độ hiện trạng của khu làng xóm.

* Thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước là hệ thống thoát nước chung giữa nước mưa và nước thải, nước mưa được thoát vào sông, kênh tiêu trong khu vực sau đó thoát ra sông Luộc.

Trên cơ sở quy hoạch chiều cao, thiết kế hệ thống thoát nước mưa đảm bảo thoát nước tốt bao gồm các tuyến mương nắp đan bằng bê tông cốt thép đón nước có kích thước từ 400x600 ÷ 600x800. Giếng thu trực tiếp, có khoảng cách theo độ dốc đường.

9.4. Cấp điện

- Cập nhật định hướng cấp điện theo Quy hoạch phát triển ngành điện lực tại Quyết định số 4016/QĐ-UBND-BCT ngày 23/10/2017 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035;

- Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110KV và Quyết định số 3354/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 phê duyệt Hợp phần Quy hoạch chi tiết lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kv (Hợp phần II) thuộc đề án "Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035.

Trên địa bàn xã Tam Đa quy hoạch mới 04 trạm biến áp mới, phù hợp với nhu cầu dùng điện của xã

9.5. Cấp nước

- Nguồn cấp nước

Nguồn nước: sử dụng nguồn nước sạch từ nhà máy nước Nguyên Hoà thuộc Công ty Hải Trung HD, công suất thiết kế 10.000 m³/ngày đêm.

- Giải pháp cấp nước

Nguồn nước: Lấy nguồn từ nhà máy nước sử dụng nguồn nước ngầm qua dây truyền xử lý cấp đến các hộ dân cư nông thôn và các trung tâm công cộng.

Nước mặt → Cụm xử lý → Bể sát trùng → Bể chứa → Cấp sinh hoạt

9.6. Quy hoạch thoát nước

Các điểm dân cư ở nông thôn tập trung phải có hệ thống thoát nước mưa và nước thải, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, hợp vệ sinh.

Cần tận dụng các ao, hồ, kênh, rạch, để thoát nước và làm sạch nước thải tự nhiên. Cho phép sử dụng hệ thống thoát nước mưa để thoát nước thải đã xử lý qua bể tự hoại.

Tối thiểu phải thu gom đạt 85% lượng nước cấp để xử lý.

Định hướng Quy hoạch 07 vị trí khu xử lý nước thải trên địa bàn xã theo quy định trước khi thoát ra môi trường, ao hồ, sông, suối tự nhiên.

9.7. Điểm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của HTX môi trường. Phối hợp xử lý các hộ không thực hiện phân loại và xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình.

- Tại từng thôn, quy hoạch điểm trung tập trung CTR.

- Chất thải rắn công nghiệp: Các cơ sở sản xuất trung khu dân cư và khu công nghiệp sẽ ký hợp đồng thu gom và xử lý CTR công nghiệp, chất thải nguy hại với các đơn vị chuyên trách của Huyện, chuyển CTR về khu xử lý chất thải của Huyện.

- Mở rộng bãi rác tại đồng Bồng, thôn Tam Đa với tổng diện tích sau mở rộng là 0,28 ha.

9.7. Nghĩa trang

Mở rộng nghĩa trang tại khu Sau Chùa, thôn Cự Phú với tổng diện tích sau mở rộng là 0,6 ha.

Mở rộng nghĩa trang tại đồng Bãi Cát, thôn Cự Phú với tổng diện tích sau mở rộng là 0,86 ha.

Quy hoạch mới nghĩa trang tại đồng Vàng, thôn Ngũ Phúc với diện tích 0,5 ha.

Các nghĩa trang còn lại trên địa bàn xã giữ nguyên vị trí và diện tích. Cải tạo khuôn viên, trồng cây xanh cách ly, chỉnh trang cảnh quan xung quanh.

10. Các giải pháp bảo vệ môi trường

a) Đề xuất các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường

Giảm thiểu tác động của Quy hoạch đến môi trường tự nhiên bao gồm một hệ thống các biện pháp: quản lý, kinh tế, kỹ thuật, ... và được thực hiện xuyên suốt từ khâu thiết kế - quy hoạch, thi công xây dựng đến khi đưa khu dân cư vào khai thác. Mục đích chủ yếu là khống chế ô nhiễm từ các nguồn thải và hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra các sự cố môi trường. Việc khống chế và giảm thiểu ô nhiễm do chất thải của dự án được tiến hành bằng cách kết hợp 3 biện pháp sau đây:

- Biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm và sự cố;
- Biện pháp kỹ thuật khống chế ô nhiễm và xử lý chất thải;
- Biện pháp quản lý và quan trắc môi trường.

b) Các biện pháp bảo vệ môi trường

Các biện pháp bảo vệ môi trường lồng ghép trong giai đoạn lập dự án đầu tư và thiết kế kỹ thuật.

c) Các giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường

- *Giải pháp xử lý bụi, khí thải:*

+ Kiểm soát chặt chẽ việc đảm bảo yêu cầu về môi trường trong quá trình sửa chữa, xây dựng phát sinh.

+ Kiểm soát khả năng phát tán tự nhiên từ bụi đất vào môi trường không khí.

- Giải pháp giảm thiểu tiếng ồn và rung động và ảnh hưởng của chúng tới sức khỏe con người:

+ Nguồn tiếng ồn tác động xấu đáng kể nhất trong khu dân cư là từ hoạt động giao thông. Việc phân cấp mạng lưới đường theo chức năng, không bố trí khu ở dọc trên các trục đường chính và với khoảng lùi hợp lý thì những tác động xấu sẽ giảm thiểu.

+ Trong quá trình xây dựng công trình, sử dụng vật liệu và giải pháp về kiến trúc công trình cần phải lưu ý tới tác động này đảm bảo đô thị đúng tính chất sinh thái.

- Giải pháp chống nóng, bảo đảm vi khí hậu công trình:

+ Khi thiết kế xây dựng công trình cần tận dụng tối đa mặt thuận lợi như bố trí hợp lý các cửa mái để thông gió tự nhiên tốt, đồng thời hạn chế mặt bất lợi như bố trí hướng nhà hợp lý.

+ Hệ thống thu gom nước thải là hệ thống riêng, không chung với nước mưa, đây là điều kiện quan trọng để kiểm soát và thu gom toàn bộ nước thải để xử lý. Nước thải trong khu dân cư chỉ gồm nước thải sinh hoạt.

+ Nước thải sinh hoạt thải ra cần xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc hoặc bể xử lý hoàn chỉnh để xử lý cục bộ trước khi nhập vào mạng lưới chung.

+ Nước thải thu gom tới trạm xử lý, và được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi chảy vào sông hệ thống thu nước chung của xã - huyện. Kiểm soát chặt chẽ và thực hiện đúng quy trình thì xã sẽ giải quyết triệt để được nước thải.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, Ủy ban nhân dân xã Tam Đa có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tam Đa, huyện Phù Cừ đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000 theo đúng quy định để các tổ chức, cá nhân biết thực hiện; lưu trữ, lưu trữ hồ sơ của đồ án quy hoạch theo đúng quy định pháp luật.

- Tổ chức lập hồ sơ cắm mốc giới và triển khai cắm mốc giới theo quy định hiện hành.

- Tổ chức lập Quy chế quản lý kiến trúc các điểm dân cư nông thôn theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng; Tài chính kế hoạch; Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa và Thông tin; Chủ tịch UBND xã Tam Đa và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng VH&TT huyện (để công bố công khai lên công thông tin huyện);
- Chánh VP HĐND - UBND huyện;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Khả Phúc

